TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09/9/2024
V/v: Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Oanh.
Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 324/2024/TLST-HNGĐ ngày 30/7/2024 về việc "*Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1993.
Nơi thường trú: Thôn 13A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Q, sinh năm 1992.
Nơi thường trú: Thôn 1A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:* Tôi và anh Trần Q chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Cuối năm 2019 vợ chồng đã sống ly thân. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần Q.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có một người con chung là cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 30/10/2018. Sau khi vợ chồng ly thân thì cháu Trần Hoàng P ở với tôi, tôi có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành. Tôi yêu cầu anh Trần Q cấp dưỡng nuôi con chung mức 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Q có đơn trình bày:* Tôi và cô Nguyễn Thị Hồng N chung sống với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E vào năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp. Cuối năm 2019 thì vợ chồng sống ly thân. Nay cô N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn với cô N.

Trong thời gian chung sống, chúng tôi có con chung là cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 30/10/2018. Sau khi ly thân thì cháu P sống với cô N. Nay ly hôn tôi đồng ý giao cháu P cho cô N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Phúc 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Chúng tôi không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc nên tôi không sắp xếp thời gian tham gia tố tụng tại Tòa án được. Do đó tôi đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tôi trong các buổi làm việc, hòa giải, xét xử. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo nguyện vọng của tôi.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc*:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- *Về nội dung*: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng N; Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với anh Trần Q; Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 30/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Hoàng P, mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng; thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu Trần Hoàng P đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Q là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, nguyên đơn; bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Trần Q chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy đăng ký kết hôn số 26 cấp ngày 22 tháng 02 năm 2018. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua lời trình bày của chị Nguyễn Thị Hồng N thì nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. Anh Q thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019. Nay chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh Q đồng ý.

HĐXX xét thấy, giữa các bên không còn sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng; mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng N, cho chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với anh Trần Q.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Trần Q có một con chung là cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 30/10/2018, hiện cháu đang ở với chị N. Nguyện vọng của

chị Ngọc được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P đến tuổi trưởng thành và được anh Q đồng ý. Xét nguyện vọng của chị N và anh Q là phù hợp, đồng thời để đảm bảo tâm lý, điều kiện học hành, sinh hoạt và không gây xáo trộn trong cuộc sống của con chung, HĐXX giao con chung là cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 30/10/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu anh Trần Q cấp dưỡng nuôi con chung mức 3.000.000 đồng/tháng và được anh Q chấp nhận. Do đó, HĐXX buộc anh Trần Ngọc Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 30/10/2018 với mức 3.000.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng; thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu Trần Hoàng P đủ 18 tuổi.

Anh Trần Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tuy nhiên, anh Trần Q không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Trần Q phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với anh Trần Q.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 30/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Ngọc Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 30/10/2018, mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng; thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu Trần Hoàng P đủ 18 tuổi.

Anh Trần Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tuy nhiên, anh Trần Q không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung; nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0005972 ngày 30/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Anh Trần Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- Viện KSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- UBND xã Ea Kly;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lưu Thị Ngọc Thủy